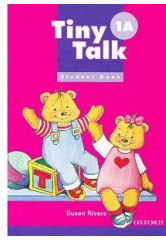


Test 3

I. Write. (viết từ)







II. Reoder the word (sắp xếp từ thành câu)

1. hello / Benny / ,

2. Benny / , / hi.

3. name / 's / Sue / my

4. 'm / Hoa / I

5. name / 's / Benny / my

6. name / 's / Miss / my / Dolly

7. Benny / 'm / I

III. Match. (Nói)

1. A puppet

a. Good morning, Sue.

2. I'm Benny

b. Thank you.

3. What's your name?

c. Hello, Benny

4. My name's Sue

d. My name's Sue.

IV. Look, read and circle the correct word. Khoanh tròn từ đúng)

1. I'm a teacher / boy / girl.



2. A book / crayon / puppet.



3. I'm Sue / Benny / Miss Dolly



4. A book / crayon / puppet.



Test 4

I. Write. (viết từ)



I. Reorder the word (sắp xếp từ thành câu)

1. You / thank

2. puppet / a

3. book / a

4. teacher / 'm / I / a

5. a / girl / 'm / I

6. 'm / boy / I / a

II. Complete the picture with the word in the box (Hoàn thành tranh với từ trong khung)

girl

book

teacher

crayon

boy

Sue

Benny

puppet

Mis Dolly

